

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tố Q, sinh năm 1986; thường trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L; tạm trú: Số 27/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Thái Ngọc L, sinh năm 1974; thường trú: Số 13/6, khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; tạm trú: Số 27/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Danh P, sinh năm 1949; thường trú: Số 13/6 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tố Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thái Ngọc L sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 2 năm thì tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào ngày 04 tháng

8 năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống chung tại số 27/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L gia trưởng, vũ phu và có những thái độ, hành động lỗ mắng, không tôn trọng chị và gia đình chị, vợ chồng chung sống không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau, anh L thường xuyên lớn tiếng và có hành vi dùng vũ lực đánh đập chị, anh thường dùng tay đấm vào mặt, vào mắt, đầu của chị, có khi còn bóp cổ chị khiến chị bị thương. Những lúc bị chồng đánh chị chạy về nhà cha mẹ chồng và cha mẹ chồng chị xử lý vết thương cho chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh Thái Ngọc L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Thái Tân P, sinh ngày 20/10/2015. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Thái Ngọc L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Thái Ngọc L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Thái Ngọc L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Trần Thị Tố Q nhưng anh Thái Ngọc L không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thái Ngọc L đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/8/2018 nhưng anh L vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị Q.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2018, người làm chứng bà Danh P trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Thái Ngọc L, là mẹ chồng của chị Trần Thị Tố Q. Sau khi con trai bà cưới vợ thì vợ chồng ra ngoài thuê nhà trọ sống tại số 27/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Quá trình vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì bà không rõ chi tiết, bà chỉ biết rằng mỗi lần con dâu bà bị con trai bà đánh đập thì chạy về nhà cha mẹ chồng khóc và kể sự việc. Ngoài ra, những chuyện khác thì bà không ở chung nên không rõ. Dạo gần đây bà thấy việc con dâu bà bị con trai bà đánh đập đã ít hơn so với trước, vì vậy bà mong muốn vợ chồng con bà hòa thuận và hàn gắn lại với nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm đã đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Tố Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Thái Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 27/9/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị Tố Q và anh Thái Ngọc L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tố Q và anh Thái Ngọc L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào ngày 04 tháng 8 năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, chị Trần Thị Tố Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L hay đánh đập chị. Điều này được chính mẹ đẻ của anh L xác nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2018. Đối với anh L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Q, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có hành vi bạo lực gia đình, là một trong các căn cứ để cho ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chị Q yêu cầu ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Tố Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thái Tấn P, sinh ngày 20/10/2015. Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Cháu Thái Tấn P chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị Q trực tiếp nuôi là phù hợp pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Tố Q tự nguyện không yêu cầu anh Thái Ngọc L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Trần Thị Tố Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 207, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tố Q được ly hôn với anh Thái Ngọc L (Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 04 tháng 8 năm 2015).

2. Về con chung: Anh Thái Ngọc L giao con chung Thái Tấn P, sinh ngày 20/10/2015 cho chị Trần Thị Tố Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Tố Q không yêu cầu anh Thái Ngọc L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Tố Q và anh Thái Ngọc L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Tố Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019260 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

